

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-PT
Ngày 20-02-2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất, tranh chấp lối đi và tài sản
gắn liền với đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tổng Văn Viên

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Dừa
Ông Trịnh Hữu Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Vẹn - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp lối đi và tài sản gắn liền với đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2020/DS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lương Văn T, sinh năm 1953. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2. Bà Lương Thị T1, sinh năm 1947. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (chết)

***Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Thị T1 gồm:**

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1947. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (chết)

- Chị Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- Chị Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- Chị Nguyễn Thị Ngọc N1, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- Bị đơn: Ông Lương Văn L1, sinh năm 1938. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có ủy quyền)

Người đại diện theo ủy quyền của Ông Lương Văn L1 là anh Lương Thành C, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.(có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị H (tên gọi khác Phan Thị U), sinh năm 1938. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (chết)

**Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phan Thị Huỳnh gồm:*

- Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1925. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- Ông Phạm Văn N2, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- Ông Phạm Văn N3, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- Bà Phạm Thị D, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- Bà Phạm Thị D1, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- Ông Phạm Văn B, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- Ông Phạm Văn M1, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bà Lương Thị H1, sinh năm 1944. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (chết)

**Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Thị H1 gồm:*

- Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

3. Ông Lương Văn B1, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

4. Ông Lương Văn T5, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có ủy quyền)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lương Văn T5 là anh Lương Thành C, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

5. Anh Lương Văn M2, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

6. Anh Lương Thành C, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

7. Chị Tô Thị Hạnh N4, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

8. Chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

9. Bà Đặng Thị D2, sinh năm 1943. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (chết)

**Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đặng Thị D2 gồm:*

- Ông Lương Văn L1, sinh năm 1938. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có ủy quyền cho anh Lương Thành C)

- Ông Lương Văn B1, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Ông Lương Văn T5, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có ủy quyền cho anh Lương Thành C)

- Anh Lương Văn M2, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Anh Lương Thành C, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

10. Ông Lương Văn B2, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (chết)

**Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn B2 gồm:*

- Bà Tô Thị M3, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Anh Lương Thái B3, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Anh Lương Thái Đ2, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- Chị Lương Thị Yên T6, sinh năm 1988. Địa chỉ: phường A, Quận B, thành phố H. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 11. Chị Bùi Thị T7, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 12. Anh Lương Văn M4, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 13. Chị Lương Thị Hồng N5, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh S. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 14. Anh Lương Thanh T8, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 15. Chị Lương Thị Hồng N6, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 16. Ông Lê Văn A, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 17. Anh Lê Minh T9, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 18. Anh Lê Văn M5, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 19. Bà Huỳnh Thị T10, sinh năm 1947. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 20. Bà Nguyễn Thị T11, sinh năm 1945. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 21. Anh Huỳnh Tiến D3, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 22. Anh Huỳnh Tiến B4, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 23. Bà Lê Thị K1, sinh năm 1946. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 24. Anh Trần Bảo G, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 25. Chị Mai Thị T12, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 26. Bà Huỳnh Thị N7, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 27. Anh Nguyễn Thanh T13, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

28. Ông Nguyễn Minh T14, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

29. Anh Nguyễn Chí T15, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

30. Bà Lương Thị B5, sinh năm 1937. Địa chỉ: ấp X, xã C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

31. Bà Lương Thị Đ3, sinh năm 1937. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

32. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ trụ sở: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện là ông Lê Thành O, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Vắng mặt, có ủy quyền)

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là ông Lê Văn N7, công tác tại Cơ quan K, huyện C (Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Lương Văn L1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lương Văn T trình bày:

Diện tích đất 3.400m² loại đất nghĩa địa, thửa đất 456, tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Ông Lương Văn L1, có nguồn gốc là của cụ cố Cả K3 là ông nội của ông Lương Văn T, bà Lương Thị T1 và Ông Lương Văn L1. Cố Cả K3 có 02 người con là cụ Lương Văn C1 (tức cha ông T và bà T1) và cụ Lương Văn K4 (tức cha ông L1, bà H). Khi cụ K4 lập gia đình thì Cố Cả K3 cho ở riêng, còn cụ C1 thì ở chung với Cố Cả K3 cho đến năm 1965 Cố Cả K3 chết, cụ C1 trực tiếp sử dụng thửa đất 456, năm 1978 cụ C1 chết thì ông T tiếp tục sử dụng thửa đất này, nhưng ông T nghĩ là đất nghĩa địa và lỗi đi là cho bà con sử dụng đi chung nên ông không tiến hành kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Riêng tại phần lỗi đi thì cụ C1 có trồng hàng dừa hai bên để thu hoạch trái và sau khi cụ C1 chết thì ông T vẫn tiếp tục thu hoa lợi từ hàng dừa này. Đến năm 2006 do ông L1 lấy bề mặt bán cho xe cộ làm đường tỉnh lộ 911 nên nhiều ngôi mộ bị sụp, khi ông L1 cất nhà trên đất thì xảy ra tranh chấp. Ông T yêu cầu được quyền quản lý sử dụng đường đi và tài sản trên diện tích 540m², thuộc thửa đất 456, tờ bản đồ số 10, đối với diện tích còn lại của thửa 456 ông không có tranh chấp.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Bé N, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị Ngọc L, chị Nguyễn Thị Ngọc M, chị Nguyễn Thị Ngọc T2, chị Nguyễn Thị Ngọc N1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Lương Thị T1 trình bày:

Bà T1 có khởi kiện yêu cầu hộ ông L1 di dời tài sản trả đất cho ông T, nay bà T1 chết, các ông bà xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T1.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa anh Lương Thành C là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của Ông Lương Văn L1 và ông Lương Văn T5 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 456 của cổ Cả K3, tuy nhiên khi cụ K4 là cha của ông L1 lập gia đình thì Cổ Cả K3 cho cụ K4 sử dụng đất, không phải cho cụ C1, đến khi cụ K3 chết thì bà T20 là vợ của cụ K3 cùng các con tiếp tục quản lý sử dụng cho đến khi Cổ Cả K3 chết (năm 1965). Sau năm 1975 đất này là biển hoang chỉ trồng dừa nước do bà T20 và các con đồn hàng năm, lúc đó trong thôn tộc hoặc hàng xóm có ai chết thì hỏi bà để xin chôn cất trên đất (hiện nay có 24 ngôi mộ). Năm 1982 ông L1 kê khai đăng ký đất, năm 1992 tiến hành đo đạc và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996. Từ khi hộ ông L1 được cấp giấy thì không ai tranh chấp hay khiếu nại. Đến năm 2006 do không có chỗ ở nên gia đình ông L đã dọn đất xây dựng nhà thì ông T, bà T1 tranh chấp.

Nay ông yêu cầu được quyền tiếp tục sử dụng thửa đất 456, riêng phần lối đi 540m² và tài sản trên đất mà ông T yêu cầu thuộc một phần của thửa 456, ông thừa nhận tài sản trên lối đi do gia đình ông T trồng, nhưng trồng trên đất của gia đình ông. Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông T, chỉ đồng ý cho ông T được sử dụng lối đi ngang 03 mét hai đầu chạy dài hết đất (từ mí giáp ranh phía ông L1 đo qua) có diện tích 302,2m² cùng tài sản trên lối đi thuộc thửa 456, nhưng ông T chỉ được sử dụng chứ không được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các cây trồng nào của gia đình ông T không nằm trên lối đi thì yêu cầu ông T tự di dời, ông không hỗ trợ di dời hoặc bồi thường. Phần diện tích còn lại của thửa 456 yêu cầu cho hộ ông L1 được tiếp tục quản lý sử dụng.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phan Thị Huỳnh gồm ông Phạm Văn T3, ông Phạm Văn N2, bà Phạm Thị L1, ông Phạm Văn N3, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị D1, bà Phạm Thị Đ, ông Phạm Văn M1 và ông Phạm Văn B trình bày: Các ông bà là chồng và các con của bà Phan Thị H, bà H tham gia tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nay bà H chết, các ông bà không có yêu cầu trong vụ án, do ông T và ông L1 tự giải quyết.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Thị H1 gồm ông Nguyễn Văn Đ1 và ông Nguyễn Văn T4 trình bày: Các ông là con của bà Lương Thị H1, nguyên bà H1 tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vụ án chưa giải quyết xong thì bà H1 chết. Nay các ông là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H1, các ông không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này, do anh C toàn quyền quyết định và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là ông Lương Văn M4, chị Bùi Thị T7, chị Lương Thị Hồng N5, anh Lương Thanh T8, chị Lương Thị Hồng N6 trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là ông Lương Văn T5, anh Lương Văn M2, ông Lương Văn B1, chị Tô Thị Hạnh N4, chị Nguyễn Thị Kim Y, bà Tô Thị M3, anh Lương Thái Đ2, anh Lương Thái B3 và chị Tô Thị Yến T6 trình bày: Thống nhất theo lời trình bày và ý kiến của anh C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn A, anh Lê Minh T9, anh Lê Văn M5, bà Huỳnh Thị T10, bà Nguyễn Thị T11, anh Huỳnh Tiến D3, anh Huỳnh Tiến B4, bà Lê Thị K1, anh Trần Bảo G, chị Mai Thị T12, bà Huỳnh Thị N7, anh Nguyễn Thanh T13, ông Nguyễn Minh T14, anh Nguyễn Chí T15 trình bày: Các ông, bà đã sử dụng lối đi đang tranh chấp từ năm 1975 cho đến nay, lối đi thuộc thửa đất 456 của hộ ông L1. Các ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết phần lối đi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị B5, bà Lương Thị Đ3 trình bày: Trong vụ kiện này bà không có ý kiến và yêu cầu gì do ông T và ông L1 toàn quyền quyết định.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện C trình bày: Được sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C thẩm tra trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông Lương Văn L1, sau khi thẩm tra Thanh tra huyện đã có Báo cáo số 112/BC-TTr ngày 05/8/2011 về kết quả kiểm tra trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Lương Văn L1. Ngày 16/8/2011 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có Công văn số 902/UBND-NC khẳng định về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Ông Lương Văn L1 thuộc thửa 456, diện tích 3.400m², loại đất nghĩa địa, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh diện tích cấp cho hộ ông L1 đúng thực tế sử dụng sau khi trừ diện tích lối đi chung cho các hộ phía trong. Ủy ban vẫn giữ quan điểm theo Công văn số 902/UBND-NC ngày 16/8/2011 và Báo cáo số 112/BC-TTr ngày 05/8/2011.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 468/2012/DS-ST ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn T. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T1. Công nhận cho hộ ông Lương Văn T diện tích 532m² và tài sản trên đất, loại đất nghĩa địa thuộc một phần của thửa 456, bản đồ số 10. Công nhận cho hộ Lương Văn L1 diện tích 3.049m² và tài sản trên đất thuộc thửa 456.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Lương Văn T và ông Nguyễn Văn K kháng cáo, yêu cầu công nhận cho ông T toàn bộ diện tích 3.049m² và tài sản trên đất trên thửa 456. Ông Lương Văn L1 kháng cáo, không đồng ý giao diện tích 532m² và tài sản trên đất cho ông T.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 44/2013/DS-PT ngày 26/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2016/DS-ST ngày 02/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T. Bác yêu cầu khởi kiện của bà T1. Buộc hộ ông L1 phải trả diện tích đất là bờ đi chung 300m² và tài sản trên đất thuộc một phần của thửa 456 cho hộ ông T tiếp tục sử dụng. Công nhận cho hộ L1 tiếp tục sử dụng diện tích còn lại của thửa 456 là 2.922m² và tài sản trên đất. Đối với phần diện tích đất có mồ mã và lối đi vào thăm mộ của thân tộc ông L1 và ông T là 339m² thuộc một phần của thửa 456 thì không giải quyết.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Lương Văn T và ông Nguyễn Văn K kháng cáo. Yêu cầu công nhận cho hộ ông T quản lý sử dụng lối đi 532m² và tài sản trên đất thuộc một phần của thửa 456 như diện tích mà bản án sơ thẩm lần thứ nhất tuyên. Ông Lương Văn L1 kháng cáo, chấp nhận cho ông T sử dụng lối đi 300m² thuộc thửa 456 nhưng không đồng ý tách quyền sử dụng đất.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 86/2018/DS-PT ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/DS-ST ngày 03/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên: Chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông T. Buộc hộ ông L1 phải giao diện tích đất là bờ đi chung 540m² và tài sản gắn liền thuộc một phần của thửa 456 cho hộ ông L1 tiếp tục sử dụng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T đối với diện tích đất chênh lệch 2.860m². Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T1 cũng như người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà T1 về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với ông L1. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 456 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn T diện tích 540m². Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/12/2019 Ông Lương Văn L1 kháng cáo, không đồng ý tách quyền sử dụng đất diện tích 540m² của thửa 456 cho ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn Ông Lương Văn L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm:* Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nguồn gốc đất của cụ cố Cả K3 để lại, lối đi đã được hình thành từ thời cụ Cả K3 sử dụng, trước đây Cố Cả K3 sử dụng lối đi này vào nhà của mình và các hộ phía trong cũng sử dụng, sau khi Cố Cả K3 chết thì cụ C1 tiếp tục sử dụng và trồng dừa trên đất. Năm 1978 cụ C1 chết thì ông T tiếp tục sử dụng và hưởng hoa lợi từ hàng dừa này. Phía ông L1 cũng thừa nhận lối đi này có từ thời Cố Cả K3 và do cụ C1 trồng hàng dừa, sau đó hộ ông T sử dụng,

còn hộ ông L1 không sử dụng lối đi này. Mặc dù lối đi nằm trên thửa đất của ông L1 nhưng thời điểm cấp giấy cho ông L1 cán bộ địa chính cũng không tiến hành khảo sát thực tế chủ sử dụng đất dẫn đến cấp giấy cho ông L1 bao gồm cả lối đi này là chưa đảm bảo về đối tượng và nhu cầu sử dụng đất, nên Tòa án sơ thẩm tuyên buộc hộ ông L1 phải giao lại 540m² của thửa 456 cho hộ ông T là có căn cứ. Đối với các hộ dân đã sử dụng lối đi đang tranh chấp từ năm 1975 cho đến nay không khởi kiện và không kháng cáo về lối đi này nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án Càng Long.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức kháng cáo: Đơn kháng cáo của Ông Lương Văn L1 còn trong hạn luật định, về hình thức nội dung hợp lệ được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Vụ án được Tòa án nhân dân huyện C thụ lý sơ thẩm ngày 14/10/2008, theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2008 ông Lương Văn T và bà Lương Thị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ Ông Lương Văn L1 phải trả diện tích 3.400m² thuộc thửa 456, tờ bản đồ số 10, loại đất nghĩa địa, tọa lạc ấp Trà Ốp, xã Tân An, huyện C, trong đó có 2 phần đất: Một là phần lối đi từ lộ vào nhà ông T diện tích 532m²; hai là phần đất mộ diện tích 3.049m² hiện ông L1 đang quản lý sử dụng. Qua hai lần Tòa án cấp phúc thẩm hủy án và trong quá trình giải quyết lại, ngày 15/3/2019 phía ông T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu hộ ông L1 phải trả lối đi thuộc thửa 456, lối đi này gia đình ông và các hộ dân khác sử dụng từ trước đến nay. Đối với bà Lương Thị T1 (chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T1 có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc hộ ông L1 phải trả diện tích 3.400m² thuộc thửa 456, tờ bản đồ số 10 cho ông T. Như vậy, trong vụ án này giữa ông L1 và ông T chỉ còn tranh chấp với nhau là lối đi chung diện tích 540m² (theo kết quả đo đạc số 32/CNHCL ngày 29 tháng 5 năm 2019) cùng tài sản trên đất thuộc thửa 456. Đối với diện tích còn lại của thửa 456 hiện hộ ông L1 đang sử dụng bao gồm diện tích đất có 25 ngôi mộ và lối đi vào mộ thân tộc của ông T, không có tranh chấp. Đối với lối đi theo ông T có từ khi cụ C1 (cha ông T) ở chung với Cố Cả K3, năm 1965 Cố Cả K3 chết thì cụ C1 trực tiếp sử dụng, năm 1978 cụ C1 chết thì giao ông T tiếp tục sử dụng lối đi này. Trên đất có 10 cây dừa (06 cây giáp phía đất ông L20 và 04 cây giáp phần còn lại của thửa 456), 04 cây mù u và 05 cây trụ điện.

[3] Qua xem xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy mặc dù hộ ông T không thực hiện kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng lối đi đã được hình thành từ giai đoạn cụ Cố Cả K3, trước đây được cụ Cả K3 và các hộ dân phía trong sử dụng làm lối đi vào nhà. Năm 1965 Cố

Cả K3 chết, cụ C1 (cha ông T) tiếp tục sử dụng và trồng hàng dừa trên lối đi này thu hoạch trái (trước khi ông L1 kê khai đất và được Ủy ban cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996), năm 1978 cụ C1 chết thì ông T trực tiếp sử dụng và hưởng hoa lợi đến nay, ông L1 và ông T đều không cung cấp được di chúc của ông Cụ Cả K3 cho đất, nhưng trong quá trình giải quyết tại sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía ông C đều thừa nhận toàn bộ các cây này đều do cụ C1 trồng, quản lý sử dụng và thu hoạch trái, nhưng ông L1 chỉ đồng ý cho sử dụng lối đi mà không đồng ý tách quyền sử dụng đất cho ông là không có căn cứ. Mặt khác, ngoài lối đi này hộ ông L1 và các hộ dân khác không còn lối đi nào thuận tiện hơn. Các hộ dân cùng sử dụng lối đi này bao gồm ông Lê Văn A, anh Lê Minh T9, anh Lê Văn M5, bà Huỳnh Thị T10, bà Nguyễn Thị T11, anh Huỳnh Tiến D3, anh Huỳnh Tiến B4, bà Lê Thị K1, anh Trần Bảo G, chị Mai Thị T12, bà Huỳnh Thị N7, anh Nguyễn Thanh T13, ông Nguyễn Minh T14, anh Nguyễn Chí T15 có lời khai cho rằng: phần diện tích lối đi 540m² cùng toàn bộ tài sản trên đất là của ông T, các ông/bà không yêu cầu giải quyết về phần lối đi, do Tòa án giải quyết việc tranh chấp đất giữa ông T với ông L1. Phía ông T tự nguyện sử dụng diện tích đất 540m² này làm lối đi cho các hộ dân bên trong và không yêu cầu các hộ dân trả giá trị quyền sử dụng đất. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với phần lối đi là có cơ sở, phù hợp với thực tế và nhu cầu sử dụng.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ông Lương Văn L1; Chấp nhận ý kiến đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 302 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

[5] Về án phí: Ông Lương Văn L1 được miễn án phí, ông Lương Văn T không phải chịu án phí.

[6] Về chi phí thẩm định định giá tài sản: Ông Lương Văn T đồng ý chịu toàn bộ chi phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Lương Văn L1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/DS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn T.

Buộc Ông Lương Văn L1 cùng thành viên trong hộ gồm ông Lương Thành C, ông Lương Văn T5, ông Lương Văn M2, ông Lương Văn B1, chị Nguyễn Thị Kim Y và chị Tô Thị Hạnh N4 giao diện tích đất 540m² (trong đó có diện tích 52,7m² thuộc HLAT đường bộ), thuộc một phần của thửa đất 456, tờ bản đồ số 10, tọa lạc

ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất gồm 10 cây dừa (06 cây giáp phía đất ông Long và 04 cây giáp phần còn lại của thửa 456), 04 cây mù u và 05 cây trụ điện cho hộ ông Lương Văn T được quyền quản lý sử dụng. Vị trí đất (gồm phần A và phần B) cụ thể như sau:

- Phần A: Diện tích 237,8m² (trong đó có diện tích 21,1m² thuộc HLAT đường bộ), thuộc thửa đất 456, tờ bản đồ số 10: Đông giáp phần B (thuộc thửa 456) có số đo là 100,75 mét; Tây giáp phần còn lại thửa 456 có số đo là 100,64 mét; Nam giáp đường tỉnh 911 có số đo là 02 mét; Bắc giáp thửa 457 có số đo là 3,5 mét.

- Phần B: Diện tích 302,2m² (trong đó có diện tích 31,6m² thuộc HLAT đường bộ), thuộc thửa đất 456, tờ bản đồ số 10: Đông giáp thửa 462 có số đo là 100,93 mét; Tây giáp phần A (thuộc thửa 456) có số đo là 100,75 mét; Nam giáp đường tỉnh 911 có số đo là 03 mét; Bắc giáp thửa 457 có số đo là 03 mét.

(Kèm theo sơ đồ khu đất và công văn số 32/CNHCL ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Trà Vinh - Chi nhánh huyện C).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T1, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: chị Nguyễn Thị Bé N, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị Ngọc L, chị Nguyễn Thị Ngọc M, chị Nguyễn Thị Ngọc T2, chị Nguyễn Thị Ngọc N1, do rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc hộ Ông Lương Văn L1 di dời tài sản trả thửa đất 456 cho hộ ông T.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn T đối với diện tích đất 2.860m² so với đơn khởi kiện ban đầu.

4. Đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh - Chi nhánh huyện C làm thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 456 đã cấp cho hộ Lương Văn L1 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lương Văn T diện tích đất được công nhận như quyết định của bản án.

5. Để đảm bảo thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật, các bên giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp. Nghiêm cấm đào phá, hủy hoại làm thay đổi diện tích đất, không được chuyển nhượng hoặc thực hiện bất kỳ hình thức các giao dịch dân sự có liên quan diện tích đất tranh chấp khi chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

6. Về chi phí thẩm định, đo đạc, định giá và cung cấp thông tin số tiền là 11.135.000 đồng (Mười một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Phía ông Lương Văn T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền này; do đó phía người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Thị T1 và Ông Lương Văn L1 không phải chịu.

Số tiền 11.135.000 đồng (Mười một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng) chi phí này trong đó ông Lương Văn T đã nộp tạm ứng trước là 9.135.000 đồng (Chín triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng), ông Nguyễn Văn K nộp tạm ứng trước 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); và đã chi phí xong cho việc thẩm định, đo đạc, định giá và cung cấp thông tin. Do đó, ông T có nghĩa vụ nộp tiếp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thu được từ ông T được hoàn trả lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Thị T1 gồm chị Nguyễn Thị Bé N, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị Ngọc L, chị Nguyễn Thị Ngọc M, chị Nguyễn Thị Ngọc T2, chị Nguyễn Thị Ngọc N1 nhận.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lương Văn T và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Thị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do đó ông T và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Thị T1 gồm chị Nguyễn Thị Bé N, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị Ngọc L, chị Nguyễn Thị Ngọc M, chị Nguyễn Thị Ngọc T2, chị Nguyễn Thị Ngọc N1 được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm: Số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số No003321 ngày 14/10/2008 mà ông Lương Văn T và bà Lương Thị T1 đã nộp.

Ông Lương Văn L1 được miễn nộp toàn bộ án phí.

8. Về án phí phúc thẩm: Ông Lương Văn L1 được miễn nộp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Văn Viên